

Số: ~~2241~~/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xây dựng địa phương thông minh
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0);

Căn cứ Công văn số 58/BTTTT-KHCN ngày 11/01/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về các nguyên tắc định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc ICT phát triển địa phương thông minh tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 87/TTr-STTTT ngày 22/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng địa phương thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án), với những nội dung như sau:



1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp để nâng cao năng lực quản lý; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế xã hội; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chiến lược của tỉnh.

- Triển khai mô hình thí điểm tại thành phố Đồng Xoài, phấn đấu đến năm 2025 thành phố Đồng Xoài trở thành thành phố thông minh của Việt Nam.

- Định hướng đến năm 2030: Phát triển tỉnh Bình Phước trở thành địa phương thông minh trên các lĩnh vực ưu tiên, tham gia vào chuỗi liên kết thành phố thông minh, liên kết đô thị thông minh cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đồng bộ (đặc biệt là dữ liệu người dân, dữ liệu hạ tầng không gian), phân tích dữ liệu lớn, dự báo hỗ trợ ra quyết định để hướng đến phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Các dịch vụ công được cung cấp dưới dạng cá nhân hóa theo nhu cầu, phát huy nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

2.1 Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử theo kế hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện thành công mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ.

- Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hỗ trợ công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp (tham gia ý kiến vào các vấn đề quan trọng của tỉnh thông qua các kênh giao tiếp số).

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các ngành, địa phương trong tỉnh; xây dựng công cụ hỗ trợ báo cáo, thống kê, tổng hợp, phân tích, dự báo, cảnh báo. Kết nối các CSDL vào trục LGSP (nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu) của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống Trung tâm điều hành để hỗ trợ cho quản lý điều hành tập trung.

2.2. Lĩnh vực Y tế

- Hệ thống y tế thông minh lấy người dân làm trung tâm thông qua việc cho phép người dân tiếp cận các dịch vụ y tế một cách dễ dàng và theo nhu cầu; số hóa để tạo thuận lợi nhất cho người dân trong quá trình khám chữa bệnh, theo dõi bệnh từ xa.

- Xây dựng và hình thành hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân.

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS); cho phép hợp lý hóa và tự động hóa các quy trình thủ tục khám chữa bệnh của người dân, hỗ trợ đội ngũ y bác sĩ quản lý công tác chuyên môn.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế. Triển khai phần mềm quản lý y tế cơ sở trên phạm vi toàn tỉnh. Kết nối tất cả các cơ sở y tế vào trực dữ liệu LGSP của tỉnh hoặc trực liên thông thông tin của ngành Y tế.

- Xây dựng và hình thành kho/trung tâm dữ liệu tích hợp hoặc cổng dữ liệu của ngành Y tế, kết nối với các hệ thống dữ liệu của các bệnh viện, cơ sở y tế, dữ liệu về dược thành hệ thống dữ liệu dùng chung của ngành, giúp chia sẻ các thông tin dữ liệu như CSDL bệnh án, CSDL dược, chứng chỉ hành nghề, thiết bị y tế, chia sẻ với các ngành khác.

- Trang bị cho đội ngũ y bác sĩ và nhân viên y tế các phương tiện, công cụ làm việc tiên tiến để tác nghiệp với nhiều quy trình được số hóa và tự động hóa, các công cụ khai thác, truy cập thông tin, phối hợp, chia sẻ kiến thức, huấn luyện từ xa qua mạng giúp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác điều hành, giám sát của Lãnh đạo; giảm chi phí, thời gian thủ tục hành chính.

2.3. Lĩnh vực Giáo dục

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT, ứng dụng CNTT trong các cơ sở giáo dục. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, dạy và học, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xây dựng và hình thành CSDL tích hợp tập trung của ngành Giáo dục; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các dữ liệu của lĩnh vực khác phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, phát triển giáo dục. Kết nối các CSDL vào trực LGSP của tỉnh.

- Triển khai thí điểm các mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh... cho một số trường tại tỉnh.

- 100% các trường học có phòng học tin học, có kết nối Internet.

- Nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ nhân lực trong ngành Giáo dục.

2.4. Lĩnh vực Quy hoạch, quản lý đô thị

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối liên thông, phục vụ công tác quản lý nhà nước, chia sẻ thông tin và phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin với cộng đồng thông qua hệ thống ứng dụng CNTT.

- Hoàn thiện mô hình quản lý đô thị, cấp phép phục vụ người dân, doanh nghiệp thông qua các ứng dụng CNTT, đảm bảo tính minh bạch và đem lại nhiều tiện ích cho cộng đồng.

- Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát, quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS nền làm cơ sở xây dựng các lớp CSDL liên quan.



- Xây dựng phần mềm quản lý đất đai và tiến hành số hoá toàn bộ CSDL đất đai để quản lý thống nhất trên toàn tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Xây dựng, hình thành và quản lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

- Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực hoạt động xử lý môi trường, thu gom vận chuyển chất thải.

- Ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Hệ thống tự động, kết nối trực tuyến về trung tâm giám sát, cung cấp khả năng giám sát, cảnh báo sớm và hỗ trợ việc ban hành quyết định cho nhà quản lý.

2.6. Lĩnh vực Giao thông vận tải

- Số hóa CSDL về hạ tầng giao thông tích hợp với bản đồ thông tin địa lý GIS để nâng cao hiệu quả quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.

- Xây dựng, hình thành CSDL dùng chung và dữ liệu mở phục vụ: Công tác quản lý của ngành; nhu cầu của các ngành, người dân và doanh nghiệp. Kết nối các CSDL vào trục LGSP của tỉnh.

- Ứng dụng CNTT trong giám sát các hoạt động vận chuyển hành khách công cộng.

- Áp dụng công nghệ để giám sát giao thông tại các tuyến đường giao thông quan trọng của tỉnh; hỗ trợ công tác điều khiển giao thông, xử lý vi phạm giao thông, xử lý tai nạn giao thông.

- Xây dựng hệ thống giao thông thông minh (ITS), cung cấp tiện ích cho người dân và tiết kiệm nguồn lực trong công tác quản lý nhà nước. Hình thành Trung tâm Điều hành giao thông thông minh trong tương lai.

- Minh bạch thông tin và cải thiện chất lượng dịch vụ giao thông. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho người dân, giúp người dân lựa chọn phương thức di chuyển hợp lý nhất.

- Ứng dụng CNTT kiểm soát, dự báo nhu cầu giao thông vận tải; quản lý, vận hành khai thác cơ sở hạ tầng và dịch vụ giao thông một cách hiệu quả, linh hoạt.

2.7. Lĩnh vực Nông nghiệp

- Ứng dụng công nghệ để xây dựng một nền nông nghiệp tiên tiến có năng suất cao, chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn chất lượng; phát triển công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị nông sản. Kết nối nhà nông qua các công cụ số hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất.

- Tăng cường tiện ích, cảnh báo, dự báo và tối ưu hoạt động cho cơ quan quản lý nhà nước trong các chuyên ngành liên quan đến nông nghiệp thông qua hệ thống CSDL dùng chung. Kết nối các CSDL vào trục LGSP của tỉnh.

- Kết hợp chặt chẽ chính quyền, người dân, doanh nghiệp trong hoạt động phát triển, quảng bá, liên kết chuỗi cung ứng nông nghiệp. Bảo vệ và nâng tầm thương hiệu nông sản Bình Phước.

2.8. Lĩnh vực Du lịch

- Áp dụng triệt để các công nghệ 4.0 trong ngành Du lịch để tăng cường tương tác, trải nghiệm, khám phá của du khách. Kết nối du khách thông qua hành trình trước, trong và sau chuyến đi.

- Tăng cường tiện ích, tối ưu hoạt động cho cơ quan quản lý nhà nước, kết hợp công cụ xử lý nghiệp vụ với phần mềm du lịch thông minh. Xây dựng và hình thành CSDL du lịch tập trung của tỉnh đáp ứng các nhu cầu. Kết nối CSDL vào trục LGSP của tỉnh.

- Ứng dụng CNTT kết hợp chặt chẽ chính quyền, du khách, doanh nghiệp tạo nên hệ sinh thái du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh.

2.9. Lĩnh vực An toàn, an ninh thông tin

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của chính quyền các cấp, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng, hoàn thiện và duy trì Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) tập trung, kết nối với Trung tâm Giám sát Quốc gia để bảo đảm vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh hoạt động thông suốt; ngăn chặn, hạn chế các cuộc tấn công mạng.

- Đào tạo, tập huấn, diễn tập phòng chống mất an toàn, an ninh mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. CÁC NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN: Kèm theo phụ lục.

4. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp về lợi ích trong việc tham gia và sử dụng các dịch vụ đô thị thông minh.

- Tuyên truyền dịch vụ đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền tại cơ sở, lồng ghép nội dung để thông báo tại các cuộc họp tiếp xúc với người dân địa phương: Họp chi bộ, họp tổ dân phố,...

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, năng lượng xanh cho người dân; hướng đến xây dựng kiến trúc xanh.

- Vận động, tuyên truyền, nâng cao tri thức ứng dụng CNTT, các dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.



4.2. Nhóm giải pháp về thị trường và dịch vụ

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong cung cấp các dịch vụ địa phương thông minh; khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hóa dịch vụ địa phương thông minh cung cấp cho người dân và xã hội.
- Tăng cường phát triển thương mại điện tử của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Tăng cường nghiên cứu và phát triển các dịch vụ địa phương thông minh từ nguồn lực khác nhau nhất là từ nguồn ngân sách nhà nước.
- Nâng cao năng lực thu hút đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp CNTT đầu tư vào tỉnh.

4.3. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các cấp.
- Phân công cụ thể cho các cơ quan nhà nước trong việc thực thi trách nhiệm các nội dung của Đề án.
- Chuẩn hóa và tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.
- Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm CNTT, đội ngũ giám sát, cảnh báo ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước.

- Phát triển phương thức học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục.

4.4. Nhóm giải pháp về công nghệ và tiêu chuẩn

- Xây dựng tiêu chuẩn kết nối liên thông dịch vụ địa phương thông minh.
- Phát triển tiêu chuẩn mở để chia sẻ dữ liệu.
- Tăng cường nghiên cứu và phát triển các công nghệ và tiêu chuẩn mới để phục vụ phát triển các dịch vụ địa phương thông minh.

4.5. Nhóm giải pháp về tài chính

- Nguồn ngân sách đầu tư tỉnh tập trung vào các dự án mang tính chất lõi cần có sự làm chủ và quản lý thống nhất của cơ quan nhà nước, nhằm mục đích chủ động và điều phối cũng như giám sát doanh nghiệp tham gia và phát triển dịch vụ địa phương thông minh của tỉnh.

- Tranh thủ nguồn từ Chương trình mục tiêu CNTT của Chính phủ đối với những chương trình, dự án, đề án nằm trong điều kiện của chương trình.

- Triển khai hiệu quả kết quả thuộc đề án, dự án nằm trong phạm vi đề tài khoa học được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Tranh thủ nguồn khoa học công nghệ của tỉnh để triển khai các dự án, chương trình có tính kiến trúc, quy trình và mô hình quản lý cần nghiên cứu.

- Nguồn xã hội hóa: Huy động doanh nghiệp, ưu tiên nguồn xã hội hóa trong việc phát triển hệ thống phần mềm nhằm phát triển dịch vụ địa phương thông minh.

5. KINH PHÍ THỰC HIỆN

5.1. Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 516.000.000.000 đồng (*Năm trăm mười sáu tỷ đồng*), trong đó:

- Giai đoạn: 2022-2025, tổng cộng 446.000.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu tỷ đồng*), đã được phân bổ theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

+ Năm 2022: 102.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai tỷ đồng*).

+ Năm 2023: 102.500.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

+ Năm 2024: 119.500.000.000 đồng (*Một trăm mười chín tỷ, năm trăm triệu đồng*).

+ Năm 2025: 122.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai tỷ đồng*).

- Giai đoạn 2026-2030 (kinh phí dự kiến thực hiện): 70.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tỷ đồng*).

(*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*)

5.2. Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và các nguồn hợp pháp khác.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh

- Xem xét, quyết định về cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các bên có liên quan để thực hiện đề án, tránh tình trạng chồng chéo hoặc không rõ ràng về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

- Quản lý tình hình triển khai thực hiện Đề án; xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Đề án.

- Thực hiện rà soát, cập nhật Đề án theo nhu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh.

6.2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Theo dõi, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện Đề án; phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết cho các dự án theo từng lĩnh vực.

- Tham mưu các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án CNTT trong việc xây dựng địa phương thông minh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.



- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển CNTT trong xây dựng địa phương thông minh trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định; hằng năm xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn, phù hợp với các nội dung tại Đề án này.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án địa phương thông minh trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tham gia thẩm định và giám sát triển khai các dự án, chương trình trong Đề án.

- Bảo đảm cơ sở hạ tầng CNTT để triển khai các ứng dụng thông minh theo Đề án. Xây dựng nền tảng chung cho an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát nhanh khi có sự cố.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan định kỳ tổ chức đánh giá kết quả triển khai và đề xuất điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế, quy định của Trung ương, xu hướng của công nghệ (nếu có).

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Lồng ghép các nội dung triển khai Đề án xây dựng địa phương thông minh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển trung hạn để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách linh hoạt khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực xây dựng ứng dụng thông minh trên địa bàn tỉnh.

6.4. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện Đề án; thực hiện thủ tục quyết toán theo quy định.

6.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên lựa chọn các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học có kết quả, sản phẩm có thể ứng dụng ngay hoặc phù hợp với định hướng xây dựng địa phương thông minh của tỉnh.

6.6. Các sở, ban, ngành liên quan

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ xây dựng địa phương thông minh theo lĩnh vực phụ trách; đảm bảo sự kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu.

- Triển khai thực hiện các dự án được phê duyệt theo đúng tiến độ.

6.7. UBND các huyện, thị, thành phố

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ trên địa bàn đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn theo quy định.

6.8. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT:

Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với quy hoạch với định hướng phát triển địa phương thông minh của tỉnh; vừa bảo đảm mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và phát triển CNTT nói riêng.

6.9. Các tổ chức, đoàn thể

Phối hợp với các sở, ngành; UBND các huyện, thị, thành phố và đơn vị liên quan vận động, tuyên truyền, nâng cao tri thức ứng dụng CNTT, các dịch vụ địa phương thông minh của tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, TD21. *AL*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Tuyết Minh






Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 01 / 9 /2021 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Nội dung đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn vốn			Lộ trình					Ghi chú
					Sự nghiệp	Đầu tư	Khác	2022	2023	2024	2025	2026 - 2030	
1. Nhiệm vụ Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số													
1	Xây dựng khung ICT phát triển địa phương thông minh tỉnh Bình Phước	Xây dựng và ban hành khung ICT địa phương thông minh tỉnh Bình Phước, tham chiếu theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Khung ICT cung cấp cung cấp kiến trúc tổng quan về công nghệ, căn cứ để các ngành/lĩnh vực xây dựng và phát triển các ứng dụng, dịch vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện									Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND tỉnh

2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu.	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối, khai thác, truy cập sử dụng các hệ thống thông tin, lưu trữ cơ sở dữ liệu của tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm dự phòng phục hồi thảm họa nếu xảy ra sự cố lớn tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		105.000		20.000	25.000	30.000	30.000		
3	Xây dựng, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ dùng chung toàn tỉnh (LGSP)	Kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		25.000			10.000	7.000	8.000		
4	Đầu tư xây dựng và phát triển nền tảng IOT	Phát triển hạ tầng IoT trong triển khai chính quyền điện tử gắn kết với phát triển địa phương thông minh. Ưu tiên triển khai trong các lĩnh vực: Giao thông, nông nghiệp, tài nguyên môi trường, du lịch,...	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		20.000			5.000	5.000	10.000		



5	Triển khai hệ thống mạng không dây phục vụ phát triển dịch vụ đô thị thông minh	Cung cấp mạng wifi tại các điểm công cộng phục vụ công dân, tổ chức và du khách	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện										
6	Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh; trung tâm chỉ huy cho 08 huyện, thị xã (chưa đầu tư). Đảm bảo năm 2022 tỉnh đạt 100% cấp huyện có Trung tâm Điều hành thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		40.000		40.000						
7	Trung tâm điều hành hỗ trợ ứng cứu khẩn cấp	Hệ thống giải pháp an toàn: + Điều phối lực lượng phản ứng nhanh kèm theo các công cụ định vị cho các phương tiện tham gia tuần xử lý sự cố. + Ứng dụng dành cho người dân đóng góp, cảnh báo về tình hình, sự cố trật tự an toàn trong tỉnh. - Hệ thống bản đồ số cho toàn tỉnh, phục vụ cho việc quan sát và điều hành xử lý sự cố. - Hệ thống cảnh báo cháy nhanh thông qua mô hình xã hội hóa, kết nối về trung tâm giám sát và điều hành các cấp.	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		15.000							15.000	

8	Nâng cấp, mở rộng nền tảng hạ tầng địa lý (GIS) phục vụ quản lý hoạt động chuyên ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương	Nâng cấp, bổ sung và hoàn thiện các chức năng đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn và quy định của ngành, lĩnh vực	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		10.000				5.000	5.000		
9	Xây dựng nền tảng định danh điện tử cho công dân tỉnh Bình Phước	Xây dựng nền tảng định danh điện tử cho công dân dựa trên dữ liệu dân cư, sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		7.000		2.500		4.500			
10	Nâng cấp, bổ sung các điểm cầu hội nghị trực tuyến	Nhằm triển khai họp trực tuyến chủ động, đạt chất lượng trong tình hình mới. Có giải pháp dự phòng hệ thống để đáp ứng tức thời các cuộc họp khi hệ thống bị lỗi. Có giải pháp điều khiển việc tắt mở, kết nối, điều khiển hệ thống từ xa không phụ thuộc vào điểm cuối. Bổ sung một số điểm cầu cho các đơn vị khối Đảng, đoàn thể.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		17.000	10.000	7.000					



11	Đầu tư mở rộng Công Dịch vụ công, một cửa điện tử tỉnh Bình Phước kết nối, đồng bộ với Công dịch vụ công Quốc gia.	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		20.000			10.000	10.000			
12	Đầu tư hệ thống OneGov - Môi trường làm việc cộng tác của tỉnh Bình Phước	Xây dựng ứng dụng tích hợp các ứng dụng dùng chung cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tạo môi trường làm việc điện tử thống nhất trong toàn đơn vị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		15.000			5.000	10.000			
13	Đầu tư trang thiết bị CNTT đảm bảo chuyển đổi số cho chính quyền (CQ số).	Trang bị thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, vận hành chính quyền số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		25.000		5.000	5.000	15.000			
14	Triển khai thí điểm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Bình Phước	Triển khai 05 mô hình thí điểm Chuyển đổi số: 05 Doanh nghiệp, 02 hợp tác xã, 12 cơ quan hành chính, 03 đơn vị cấp huyện, 20 đơn vị cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		30.000	5.000	10.000	15.000				

2. Nhiệm vụ “Xây dựng Hệ thống Y tế thông minh”												
1	Xây dựng hệ thống quản lý CSDL ngành Y tế	Xây dựng phần mềm thu thập, quản lý, chuẩn hóa CSDL ngành Y tế, xây dựng CSDL ngành Y tế trên địa bàn tỉnh: CSDL hồ sơ sức khỏe điện tử thay thế bệnh án, y bạ thông thường viết trên giấy thành hồ sơ sức khỏe điện tử lưu trữ trên hệ thống CNTT. Người dân có thể theo dõi và sử dụng số y bạ điện tử trên các thiết bị di động, có thể tích hợp với phần mềm y tế cơ sở, phần mềm quản lý bệnh viện HIS và Cổng tích hợp dữ liệu về Y tế.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, các bệnh viện		10.000		5.000	3.000	2.000		
2	Hệ thống quản lý Y tế cơ sở	Hệ thống quản lý toàn bộ các cơ sở y tế của tỉnh với những phân hệ: tiếp nhận khám bệnh (dành cho các cơ sở), quản lý dân số, quản lý dược, quản lý tiêm chủng trẻ em, bà mẹ mang thai, quản lý dinh dưỡng, quản lý các loại bệnh, quản lý sức khỏe sinh sản, quản lý tử vong, tai nạn thương tích, quản lý an toàn thực phẩm, thống kê báo cáo, tích hợp Cổng dữ liệu y tế.	Sở Y tế	Sở Sở Thông tin và Truyền thông		5.000				5.000		



3	Triển khai bệnh viện	Nâng cấp các phần mềm ứng dụng quản lý, chăm sóc y tế qua mạng, thiết bị CNTT hệ thống thư viện và đào tạo trực tuyến nâng cao năng lực của đội ngũ y tế (Cung cấp các chương trình đào tạo từ xa cho cán bộ y tế trên địa bàn tích hợp với các hệ thống thư viện chia sẻ kinh nghiệm. Học viên có thể học mọi lúc, mọi nơi thông qua máy tính hoặc thiết bị di động thông minh. Hệ thống có các kênh tương tác giữa cán bộ giảng dạy và học viên đồng thời có công cụ đánh giá chất lượng cán bộ y tế dựa trên các đợt kiểm tra, đánh giá.)	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	15.000				5.000	10.000		
3. Nhiệm vụ “Giáo dục thông minh”												
1	Hiện đại hóa hạ tầng ngành giáo dục	Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng (máy tính, thiết bị tin học) đảm bảo vận hành hệ thống ứng dụng triển khai hệ sinh thái giáo dục thông minh ngành Giáo dục, thiết bị thông minh trong ngành Giáo dục (màn hình tương tác, thẻ học sinh thông minh, Camera điểm danh, ứng dụng AI...)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	15.000		5.000	5.000	5.000			

2	Hoàn thiện hệ thống ứng dụng ngành Giáo dục	<p>Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống ứng dụng chuyên ngành phục vụ công tác quản lý toàn diện ngành giáo dục Xây dựng hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở điểm điện tử, học bạ điện tử; - Hệ sinh thái trực tuyến phục vụ việc dạy và học, tạo nền tảng xã hội học tập - Nâng cấp và phát triển các hệ thống ứng dụng cung cấp dịch vụ giáo dục thông minh đã triển khai (Học trực tuyến, thi trực tuyến, Sở liên lạc điện tử, học bạ điện tử; đăng ký tuyển sinh trực tuyến; xét tuyển sinh trực tuyến; giáo trình điện tử, phần mềm thí nghiệm ảo, thực hành ảo, mô hình dạy học STEM...) <p>Kết nối ứng dụng và dịch vụ ngành giáo dục vào nền tảng địa phương thông minh.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện		5.000		2000	3.000				
---	---	--	------------------------	--	--	-------	--	------	-------	--	--	--	--



3	Xây dựng mô hình mẫu trường học thông minh	Triển khai mô hình lớp học tập trung có kết hợp thêm việc sử dụng thiết bị và ứng dụng phần mềm thông minh giúp đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, tùy biến sinh động nội dung bài giảng, tăng khả năng tương tác giữa giáo viên và học sinh qua đó phát huy tối đa hiệu quả truyền đạt kiến thức của người dạy và khả năng lĩnh hội kiến thức của người học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện										Nguồn vốn đã giao tại Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4. Nhiệm vụ xây dựng các ứng dụng quản lý quy hoạch, đô thị thông minh														
1	Hệ thống thông tin công khai quy hoạch đô thị	Hệ thống công bố các thông tin quy hoạch của nhà nước lên website, trợ giúp cho cộng đồng trong việc tra cứu và tìm hiểu thông tin. Công bố các kiến thức, số liệu, kinh nghiệm... về quy hoạch, trợ giúp định hướng cộng đồng trong việc chỉnh sửa nhà cửa, tái định cư, mua bán bất động sản.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện										Hệ thống thông tin địa lý GIS đã được đầu tư năm 2020

2	Hệ thống chiếu sáng địa phương thông minh	Xây dựng hệ thống đèn đường kết nối và điều khiển từ xa dựa trên hệ thống đèn đường hiện hữu. Hệ thống cho phép quản trị toàn bộ vận hành, bảo trì các đèn chiếu sáng thành phố hoàn toàn tự động, có thể tương tác tới từng cột đèn.	Xí nghiệp công trình công cộng thành phố Đồng Xoài	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện										
3	Hệ thống quản lý, hợp tác thi công xây dựng	Xây dựng hệ thống quản lý công trình thống nhất giữa các đơn vị cơ quan quản lý hạ tầng, sử dụng bản đồ chung, chia sẻ thông tin địa lý...	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện										Tích hợp chung hệ thống thông tin địa lý (GIS)
4	Hệ thống quản lý, giám sát hạ tầng kỹ thuật đô thị	Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật trên nền tảng mô hình dữ liệu số GIS với cơ sở dữ liệu về hạ tầng giao thông, hạ tầng chiếu sáng công cộng, hạ tầng thoát nước đô thị, hạ tầng cây xanh đô thị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện										Tích hợp chung hệ thống thông tin địa lý (GIS)

5. Nhiệm vụ “Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường”												
1	Xây dựng Hệ thống phần mềm tác nghiệp và quản lý CSDL tài nguyên môi trường	<p>Xây dựng CSDL tài nguyên môi trường đồng bộ bao gồm các lĩnh vực: Đất đai, môi trường, nước, khoáng sản... theo mô hình quản lý tập trung, liên thông đến các bộ ngành.</p> <p>Xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS nền làm cơ sở xây dựng các lớp CSDL liên quan</p> <p>Xây dựng phần mềm quản lý đất đai và tiến hành số hoá toàn bộ CSDL đất đai để quản lý thống nhất trên toàn tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo qui định để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Xây dựng, hình thành và quản lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	12.000			6.000			6.000	
2	Đầu tư hệ thống cảm biến môi trường.	<p>Đầu tư hệ thống cảm biến môi trường không khí, môi trường nước, quan trắc,... trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Đầu tư hệ thống trạm đo mưa tự động và trạm cảnh báo tự động tại các huyện, thị xã, thành phố.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	5.000		5.000					



3	Xây dựng hệ thống thông tin giám sát, thống kê phân tích, xử lý phục vụ nghiệp vụ quản lý ngành môi trường	Hệ thống đảm bảo các chức năng cơ bản sau: - Tiếp nhận thông tin từ cảm biến - Phân tích thông tin tiếp nhận - Đưa kết quả vào giải quyết nghiệp vụ chuyên ngành môi trường. - Thống kê, tổng hợp, giám sát ngành. - Chia sẻ thông tin theo hướng mở và cung cấp thông tin kịp thời cho xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	10.000						10.000	
4	Hệ thống giám sát thu gom rác thải địa phương thông minh	Triển khai hệ thống giám sát thu gom rác thải thời gian thực, triển khai các thiết bị giám sát lắp đặt trên xe chở rác.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	3.000		3.000					
6. Nhiệm vụ “Giao thông thông minh”												
1	CSDL ngành Giao thông vận tải	CSDL chuyên ngành giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	1.000							10.000

2	Hệ thống quản lý hạ tầng giao thông và thông tin giao thông trực tuyến	Xây dựng hệ thống quản lý hạ tầng giao thông (bao gồm dữ liệu về đường, cầu, biển báo, biển chỉ dẫn...), kết nối thông tin giám sát và điều khiển thời gian thực với các hệ thống camera, đèn tín hiệu, biển báo, biển chỉ dẫn giao thông..., phân tích và tổng hợp thông tin giao thông dựa trên dữ liệu thu thập được.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện		10.000						10.000	
3	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát bãi đỗ xe thông minh	Yêu cầu các đơn vị quản lý bãi đỗ xe có công cụ quản lý tự động, báo cáo chính xác đến các cấp quản lý dịch vụ công cộng của tỉnh thông qua việc kết nối đến nền tảng quản lý bãi đỗ xe. cung cấp người dân thông tin, tiện ích đỗ xe thông qua ứng dụng di động	Sở Giao thông vận tải	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		5.000						5.000	
4	Hệ thống giám sát xe buýt	Chi tiết thời gian, lịch trình hoạt động của các tuyến xe buýt, hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện		5.000						5.000	



7. Nhiệm vụ “Nông nghiệp thông minh”													
1	Thí điểm số hóa ngành điều	Thí điểm số hóa ngành điều, làm cơ sở cho giám sát, theo dõi diện tích trồng, sản lượng...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông									Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện CSDL chi dẫn địa lý hạt điều Bình Phước năm 2021
2	Hệ thống cung cấp, và thu thập thông tin nông nghiệp	Xây dựng ứng dụng di động và module tích hợp trong cổng thông tin của ngành, cung cấp các thông tin cần thiết hoặc truy vấn bằng tin nhắn SMS, cung cấp cho người dùng các thông tin nông nghiệp mới nhất, kịp thời nhất về tất cả các vấn đề của ngành.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông		3.000		3.000					

3	<p>Giám sát chuỗi giá trị phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản và thực phẩm</p>	<p>Bao gồm nhiều hệ thống kết hợp với nhau: Hệ thống trạm quan trắc thời tiết tiêu vùng, hệ thống nhật ký điện tử, hệ thống tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ, hệ thống camera giám sát nông nghiệp.</p> <p>- Hệ thống nhật ký điện tử sẽ theo dõi cây trồng dựa trên tiêu chuẩn VietGap, áp dụng từ khi cây trồng bắt đầu được gieo trồng, sinh trưởng – phát triển, tới khi thành sản phẩm bằng hệ thống nhật ký điện tử. Các thông tin này sẽ được lưu trữ và cung cấp tới người dùng thông qua hệ thống tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ.</p> <p>- Hệ thống trạm quan trắc thời tiết tiêu vùng ngoài việc theo dõi và dự báo thời tiết, hệ thống sẽ kết hợp với quá trình sinh trưởng và phát triển để dự báo một số loại sâu – bệnh trên cây trồng, nhằm phòng ngừa dịch bệnh khi chưa xảy ra và tăng năng suất cho các loại cây trồng này.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>		7.000				3.000	4.000		
---	---	---	---	-------------------------------------	--	-------	--	--	--	-------	-------	--	--



4	Giám sát rừng	Giám sát rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện									
5	Giám sát sông hồ, công trình thủy lợi và hạn hán, ngập lụt	Giám sát sông hồ, công trình thủy lợi và hạn hán, ngập lụt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện		5.000					5.000		
6	Nhóm các giải pháp IoT ứng dụng trong nông nghiệp	Xây dựng các sensor-cảm biến, thu thập các dữ liệu từ đối tượng cần theo dõi như môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất hoặc bản thân các vật nuôi. Giúp đưa ra các thông số thời gian thực về đối tượng theo dõi để có các biện pháp hợp lý, trợ giúp người nông dân các tri thức cần thiết để xử lý các vấn đề xảy ra: Ứng dụng IoT trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nhà màng (nhà kính), giám sát	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông		5.000					5.000		
8. Nhiệm vụ “ Du lịch thông minh”													

1	Hoàn thiện ứng dụng chuyên ngành Du lịch	<p>Nâng cấp thiết bị CNTT phục vụ triển khai, vận hành hệ thống du lịch thông minh.</p> <p>Xây dựng Trạm tra cứu thông tin du lịch.</p> <p>Xây dựng hệ thống Thẻ du lịch, thông minh (hỗ trợ kết hợp giao thông, thanh toán ...).</p> <p>Xây dựng hệ thống Beacon (áp dụng tại nhà hàng, khách sạn, bảo tàng, địa điểm du lịch ...).</p> <p>Xây dựng hệ thống Thực tại ảo AR (dẫn đường, du lịch ảo ...)</p> <p>Xây dựng thanh toán sử dụng QR code (cung cấp thông tin điểm đến, sự kiện ...).</p> <p>Xây dựng CSDL chuyên ngành (CSDL lưu trú du lịch; CSDL về các nhà hàng; CSDL về các khu, điểm du lịch, CSDL giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; CSDL giấy phép văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài; CSDL sự kiện, hội chợ, hội thảo, triển lãm, lễ hội du lịch...).</p>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		10.000						10.000	
---	--	---	---------------------------------	------------------------------------	--	--------	--	--	--	--	--	--------	--



2	Phát triển các hệ thống ứng dụng du lịch thông minh	Phát triển các hệ thống ứng dụng cung cấp dịch vụ du lịch thông minh. Phát triển Ứng dụng du lịch trên smart phone. Phát triển Dịch vụ bán vé và sử dụng vé điện tử. Xây dựng và cung cấp Bản đồ du lịch thông minh. Kết nối hệ sinh thái du lịch thông minh với nền tảng đô thị thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		5.000					5.000	
9. Nhiệm vụ “Đảm bảo an toàn an ninh cho hệ thống thông tin”												
	Nâng cấp, phát triển Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của toàn tỉnh	Nâng cấp, phát triển Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh và kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông) Đảm bảo giám sát toàn bộ các thiết bị người dùng truy cập vào hệ thống dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		32.000	7.000	8.000	8.000	9.000		
Tổng cộng						516.000	102.000	102.500	119.500	122.000	70.000	

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 516 tỷ đồng, trong đó:

Kinh phí ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử giai đoạn 2022-2025: 446 tỷ đồng

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ còn lại giai đoạn 2026-2030: 70 tỷ đồng